

NGHỊ QUYẾT

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về trình tự, thủ tục, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại các điều 9, 12, 27, 28, 30, 31, 33, 34, 36, 37, 39, 40, 41 và 42, trừ quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 28, điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 31, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 34, điểm b, điểm d khoản 1 và điểm b, điểm d khoản 2 Điều 36 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng

nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động giám sát.

Điều 3. Đối tượng giám sát của Hội đồng nhân dân

1. Đối tượng giám sát của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau:

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giám sát Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự, các tổ chức khác thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc ở địa phương và cơ quan nhà nước khác ở địa phương.

Trường hợp cần thiết do yêu cầu của thực tiễn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tiến hành giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ở cấp xã;

b) Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giám sát Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự, các tổ chức khác thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp xã, cơ quan nhà nước khác ở địa phương.

Trường hợp cần thiết do yêu cầu của thực tiễn, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tiến hành giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ở cấp xã;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Đối tượng giám sát của Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như sau:

a) Hội đồng nhân dân cấp xã giám sát Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan nhà nước khác ở địa phương;

b) Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan nhà nước khác

ở địa phương;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT HÀNG NĂM

Mục 1

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 4. Căn cứ xây dựng chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân được xây dựng căn cứ vào đường lối, chủ trương của Đảng, quy định của luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, kết quả thực hiện chương trình giám sát năm trước của Hội đồng nhân dân, đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, ý kiến, kiến nghị của cử tri và tình hình thực tế ở địa phương.

2. Chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân được xây dựng căn cứ vào đường lối, chủ trương của Đảng, quy định của luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, kết quả thực hiện chương trình giám sát năm trước của Thường trực Hội đồng nhân dân, đề nghị của Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, ý kiến, kiến nghị của cử tri và tình hình thực tế ở địa phương.

Điều 5. Đề xuất nội dung chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ cuối năm trước của Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp gửi đề xuất nội dung đưa vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân và chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân năm sau đến Thường trực Hội đồng nhân dân.

Văn bản đề xuất phải nêu cụ thể hoạt động giám sát theo quy định tại Điều

28 và Điều 31 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, đồng thời nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng và thời gian giám sát.

2. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm đề nghị, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất đúng thời hạn; tổ chức tập hợp, tổng hợp đề xuất và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 6. Xây dựng dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Căn cứ quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này và kết quả tập hợp, tổng hợp đề xuất, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm xây dựng dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, trong đó, dự kiến các nội dung Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trực tiếp giám sát; các nội dung Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện (nếu có); các nội dung Thường trực Hội đồng nhân dân giao Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện (nếu có).

2. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân lấy ý kiến Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cơ quan thanh tra cấp tỉnh về dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân để tổng hợp, trình Thường trực Hội đồng nhân dân; trường hợp cần thiết, có thể lấy ý kiến cơ quan khác có liên quan ở địa phương và chuyên gia về dự kiến chương trình giám sát.

Điều 7. Cho ý kiến về dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến về dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp trước kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân.

2. Hồ sơ trình Thường trực Hội đồng nhân dân bao gồm:

- a) Báo cáo của cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân về dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân;
- b) Tổng hợp đề xuất sắp xếp theo nội dung, nêu rõ tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất;
- c) Thuyết minh các nội dung dự kiến trong chương trình giám sát;
- d) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến về dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo về dự

kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân;

b) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân tham dự phiên họp phát biểu ý kiến (nếu có);

d) Chủ tọa kết luận về: dự kiến nội dung chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân; những nội dung cần quan tâm để xây dựng tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân; các vấn đề khác có liên quan.

4. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng tờ trình và dự thảo nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân để trình Hội đồng nhân dân; xây dựng dự thảo nghị quyết về chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 8. Quyết định chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân quyết định chương trình giám sát năm sau tại kỳ họp thường lệ cuối năm.

2. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân bao gồm:

a) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân về dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân;

b) Tổng hợp đề xuất giám sát sắp xếp theo nội dung, nêu rõ tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất;

c) Thuyết minh các nội dung dự kiến trong chương trình giám sát;

d) Dự thảo nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân;

đ) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hội đồng nhân dân quyết định chương trình giám sát theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày tờ trình về dự kiến chương trình giám sát;

b) Hội đồng nhân dân thảo luận;

c) Chủ tọa kết luận về: dự kiến nội dung chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân; những nội dung cần quan tâm để hoàn thiện dự thảo nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân; các vấn đề khác có liên quan.

4. Trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân gửi phiếu xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân về việc lựa chọn chuyên đề giám sát và báo cáo Hội đồng nhân dân.

5. Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân. Nghị quyết gồm những nội dung chính sau đây:

a) Các nội dung Hội đồng nhân dân trực tiếp giám sát;

b) Các nội dung giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả

thực hiện với Hội đồng nhân dân (nếu có);

c) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Biện pháp tổ chức thực hiện.

6. Số lượng, nội dung giám sát trong năm phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng tổ chức thực hiện của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và tình hình thực tế; tránh trùng lặp về nội dung, thời gian, địa bàn, đối tượng giám sát; hình thức giám sát phải phù hợp với nội dung giám sát.

Điều 9. Quyết định chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất 07 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân trên cơ sở đề nghị của cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân.

2. Nghị quyết về chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân gồm những nội dung chính sau đây:

a) Các nội dung Thường trực Hội đồng nhân dân trực tiếp giám sát;

b) Các nội dung giao Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Hội đồng nhân dân (nếu có);

c) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Biện pháp tổ chức thực hiện.

3. Số lượng, nội dung giám sát trong năm phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng tổ chức thực hiện của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và tình hình thực tế; tránh trùng lặp về nội dung, thời gian, địa bàn, đối tượng giám sát; hình thức giám sát phải phù hợp với nội dung giám sát.

Điều 10. Triển khai thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất 07 ngày kể từ ngày Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.

Kế hoạch phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi, hình thức giám sát, đối tượng chịu sự giám sát; phân công các cơ quan thực hiện; tiến độ thực hiện; công tác tổ chức, phối hợp thực hiện; trường hợp báo cáo của đối tượng chịu sự giám sát theo quy định phải được thẩm tra mà liên quan đến lĩnh

vực phụ trách của nhiều cơ quan khác nhau thì kế hoạch phải nêu rõ cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan phối hợp thẩm tra.

2. Trường hợp cần thiết do yêu cầu của thực tiễn, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định điều chỉnh chương trình giám sát của mình; trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, quyết định điều chỉnh chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Điều 11. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ đầu tiên của năm sau của Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được giao chủ trì thực hiện nội dung trong chương trình giám sát năm trước của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân gửi báo cáo về kết quả thực hiện đến Thường trực Hội đồng nhân dân để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân.

2. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát năm trước của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, gửi xin ý kiến Ban của Hội đồng nhân dân; tiếp thu, chỉnh lý, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thường lệ đầu tiên của năm sau.

3. Báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này phải đánh giá kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; mức độ hoàn thành chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân; hiệu quả giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; trách nhiệm của các cơ quan có liên quan; bài học kinh nghiệm; đề xuất, kiến nghị.

Mục 2

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CỦA BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 12. Căn cứ xây dựng chương trình giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chương trình giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân được xây dựng căn cứ vào đường lối, chủ trương của Đảng, quy định của luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, kết quả thực hiện chương trình giám sát năm trước của Ban của Hội đồng nhân dân, ý kiến các thành viên của Ban, ý kiến, kiến nghị của cử tri và

tình hình thực tế của địa phương.

2. Chương trình giám sát (nếu có) của đại biểu Hội đồng nhân dân được xây dựng căn cứ ý kiến, kiến nghị của cử tri và tình hình thực tế của địa phương.

Điều 13. Quyết định và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết này và những nội dung giám sát được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân giao, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân chỉ đạo xây dựng dự kiến chương trình giám sát, trình Ban của Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua chương trình giám sát năm sau chậm nhất là ngày 20 tháng 12 của năm trước. Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp về chương trình giám sát của mình.

Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Ban. Kế hoạch thực hiện chương trình giám sát cần nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi, hình thức giám sát, đối tượng chịu sự giám sát; phân công thành viên Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện; tiến độ thực hiện, công tác tổ chức, phối hợp thực hiện.

Trường hợp cần thiết do yêu cầu của thực tiễn, Ban của Hội đồng nhân dân quyết định điều chỉnh chương trình giám sát và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết này, đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định chương trình giám sát năm sau của mình (nếu có) và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân qua Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 30 tháng 12 của năm trước.

Thường trực Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện chương trình giám sát. Trường hợp cần thiết do yêu cầu của thực tiễn, đại biểu Hội đồng nhân dân điều chỉnh chương trình giám sát của mình và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân qua Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân để điều hòa, phối hợp.

3. Số lượng, nội dung giám sát trong năm phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng tổ chức thực hiện của Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân và tình hình thực tế; tránh trùng lặp về nội dung, thời gian, địa bàn, đối tượng giám sát; hình thức giám sát phải phù hợp với nội dung giám sát.

Điều 14. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân và kết quả hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ đầu tiên của năm sau của Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân gửi báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát năm trước của mình, Tổ đại biểu Hội đồng

nhân dân gửi báo cáo kết quả hoạt động giám sát năm trước của mình (nếu có) và của đại biểu Hội đồng nhân dân trong Tổ (nếu có) đến Thường trực Hội đồng nhân dân; đồng thời gửi đến cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.

Chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ đầu tiên của năm sau của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân gửi báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát năm trước của mình (nếu có) đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân và kết quả hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân năm trước, gửi xin ý kiến Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; tiếp thu, chỉnh lý, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thường lệ đầu tiên của năm sau.

3. Báo cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đánh giá kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; mức độ hoàn thành chương trình giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân và mức độ hoàn thành kết quả hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; hiệu quả giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; trách nhiệm của các cơ quan có liên quan; bài học kinh nghiệm; đề xuất, kiến nghị.

Chương III

THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Mục 1

HOẠT ĐỘNG XEM XÉT, THẨM TRA BÁO CÁO

Điều 15. Trách nhiệm xem xét báo cáo của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Tại kỳ họp, Hội đồng nhân dân xem xét các báo cáo sau đây:

a) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương;

b) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm, báo cáo công tác nhiệm kỳ của Ủy ban nhân dân cùng cấp;

c) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm, báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân;

d) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi

phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

đ) Báo cáo khác theo quy định của pháp luật, nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Ngoài các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét các báo cáo sau đây:

a) Báo cáo của Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước;

b) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm, báo cáo công tác nhiệm kỳ của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương.

3. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét báo cáo công tác của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương và các báo cáo khác quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 và khoản 2 Điều này do Hội đồng nhân dân giao.

Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp xã, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét báo cáo công tác của Ủy ban nhân dân cấp xã và các báo cáo khác quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này do Hội đồng nhân dân giao.

4. Thời điểm xem xét các báo cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật; trường hợp pháp luật không quy định rõ thời điểm xem xét thì thực hiện theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 16. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo

1. Việc xem xét, thảo luận báo cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Nghị quyết này do Hội đồng nhân dân quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo;

b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo thẩm tra đối với báo cáo có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 1, Điều 18 của Nghị quyết này;

c) Hội đồng nhân dân thảo luận;

d) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo giải trình những vấn đề có liên quan;

đ) Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc ban hành nghị quyết về

công tác của cơ quan có báo cáo.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân gồm những nội dung chính sau đây:

a) Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập; trách nhiệm của cơ quan có báo cáo và người đứng đầu, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo.

Điều 17. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận báo cáo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị quyết này theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo;

b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo thẩm tra đối với báo cáo có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 1, Điều 18 của Nghị quyết này;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức tham dự phiên họp phát biểu ý kiến (nếu có);

đ) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo giải trình những vấn đề có liên quan;

e) Thường trực Hội đồng nhân dân kết luận về công tác của cơ quan có báo cáo.

2. Kết luận gồm những nội dung chính sau đây:

a) Nội dung theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 16 của Nghị quyết này;

b) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận về công tác của cơ quan có báo cáo.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân về kết quả xem xét báo cáo.

Điều 18. Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra báo cáo

1. Các báo cáo quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Nghị quyết này được Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức thẩm tra trước khi trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân như sau:

a) Các báo cáo quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 15 của Nghị quyết này theo lĩnh vực phụ trách của Ban của Hội đồng nhân dân;

b) Các báo cáo quy định tại điểm b, điểm đ khoản 1 và điểm b khoản 2

Điều 15 của Nghị quyết này được thẩm tra khi có phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức phiên họp để thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

- a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo;
- b) Ban của Hội đồng nhân dân thảo luận;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức tham dự phiên họp phát biểu ý kiến (nếu có);
- d) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo giải trình về những vấn đề có liên quan;
- đ) Ban của Hội đồng nhân dân biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

3. Báo cáo thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân phải phản ánh ý kiến các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân và ý kiến của cơ quan, đại biểu tham gia thẩm tra.

4. Để phục vụ hoạt động thẩm tra, khi xét thấy cần thiết, Ban của Hội đồng nhân dân yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan; yêu cầu giám định, mời chuyên gia tư vấn, tiếp xúc, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tổ chức xem xét, xác minh về những vấn đề mà Ban của Hội đồng nhân dân quan tâm; tổ chức Đoàn công tác để khảo sát, thu thập thông tin.

Đoàn công tác gồm một số thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân; đại diện cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan (nếu cần thiết). Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn công tác do Ban của Hội đồng nhân dân quyết định. Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về chương trình và thành phần Đoàn công tác chậm nhất 10 ngày trước ngày Đoàn công tác làm việc.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN VÀ XEM XÉT VIỆC TRẢ LỜI CHẤT VẤN

Tiểu mục 1

HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN VÀ XEM XÉT VIỆC TRẢ LỜI CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 19. Trách nhiệm tổng hợp thông tin để lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn

1. Chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có văn bản đề nghị Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đề xuất vấn đề chất vấn, người bị chất vấn. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm lấy ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân trong Tổ và tổng hợp đề xuất vấn đề chất vấn, người bị chất vấn.

Trường hợp cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân có thể gửi đề xuất trực tiếp đến cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổng hợp đề xuất vấn đề chất vấn, người bị chất vấn của Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 1 Điều này và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, dư luận xã hội về những vấn đề nổi bật thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại tại địa phương để làm căn cứ lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 20. Tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Nội dung chất vấn được lựa chọn theo một trong các tiêu chí sau đây:

a) Vấn đề bức xúc, nổi lên hoặc ảnh hưởng lớn đến đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của địa phương được đại biểu Hội đồng nhân dân, cử tri và Nhân dân quan tâm, kiến nghị hoặc vấn đề khác do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định phù hợp với yêu cầu giám sát và thực tiễn của địa phương;

b) Vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước ở địa phương hoặc qua giám sát, khảo sát phát hiện hạn chế, bất cập cần được chất vấn để làm rõ và đưa ra những yêu cầu, giải pháp để kịp thời khắc phục;

c) Vấn đề có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; có dấu hiệu gia tăng vi phạm pháp luật và tội phạm; hạn chế trong giải quyết việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cử tri và cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương;

d) Vấn đề chất vấn đã được người bị chất vấn trả lời bằng văn bản nhưng đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời, được Thường trực Hội đồng nhân dân đồng ý trình Hội đồng nhân dân xem xét cho trả lời tại kỳ họp Hội đồng nhân dân;

đ) Không thuộc những vấn đề đã được nêu trong nghị quyết về giám sát của Hội đồng nhân dân trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm chất vấn.

2. Việc lựa chọn nội dung chất vấn phải phù hợp với thời gian tổ chức phiên chất vấn.

3. Người bị chất vấn được lựa chọn phù hợp với nhóm vấn đề chất vấn.

Điều 21. Trình tự, thủ tục lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Căn cứ quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị quyết này, chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân dự kiến các nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn, lấy

ý kiến Ban của Hội đồng nhân dân.

Căn cứ ý kiến của Ban của Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân tổng hợp và lựa chọn các nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị của cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân, lựa chọn các nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn.

Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân tiếp thu ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân, chuẩn bị báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân về dự kiến nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn và gửi xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn.

3. Căn cứ dự kiến chương trình kỳ họp và kết quả tổng hợp ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân, trình Hội đồng nhân dân quyết định. Trên cơ sở kết quả tổng hợp phiếu xin ý kiến, Hội đồng nhân dân lựa chọn các nhóm vấn đề chất vấn trên nguyên tắc từ cao xuống thấp theo số lượng ý kiến đồng ý của đại biểu Hội đồng nhân dân và lựa chọn người bị chất vấn phù hợp với nhóm vấn đề chất vấn.

4. Ngoài người bị chất vấn, những người khác có thể được mời tham dự phiên chất vấn và tham gia giải trình, làm rõ thêm nội dung chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc trách nhiệm của mình.

Điều 22. Tổ chức phiên chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Căn cứ chương trình kỳ họp, nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn đã được Hội đồng nhân dân lựa chọn, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện các công việc sau đây:

a) Gửi văn bản đề nghị người bị chất vấn báo cáo bằng văn bản về nội dung thuộc nhóm vấn đề chất vấn và gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày trước ngày tổ chức phiên chất vấn;

b) Dự kiến chương trình phiên chất vấn và thông báo đến đại biểu Hội đồng nhân dân, người bị chất vấn và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chậm nhất 03 ngày trước ngày tổ chức phiên chất vấn.

2. Người bị chất vấn không được ủy quyền cho người khác trả lời thay, trừ trường hợp luật có quy định khác. Trường hợp không thể trực tiếp tham dự phiên chất vấn thì người bị chất vấn gửi văn bản nêu rõ lý do đến Thường trực Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân, người bị chất vấn, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong phiên chất vấn:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin chứng

minh bằng hình ảnh, bản ghi hình, vật chứng cụ thể; trường hợp không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền tranh luận và người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời;

b) Người bị chất vấn trả lời trực tiếp, đầy đủ vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có);

c) Người được mời tham dự phiên chất vấn tham gia giải trình, làm rõ thêm nội dung chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc trách nhiệm của mình.

4. Phiên chất vấn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp, trừ trường hợp do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 23. Trình tự, thủ tục phiên chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân điều hành phiên chất vấn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt thì phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân điều hành phiên chất vấn.

2. Trình tự phiên chất vấn được tiến hành như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được phân công điều hành phiên chất vấn nêu nhóm vấn đề đề nghị đại biểu Hội đồng nhân dân tập trung chất vấn;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân đăng ký chất vấn;

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được phân công điều hành phiên chất vấn mời đại biểu Hội đồng nhân dân chất vấn theo thứ tự đăng ký; mời người bị chất vấn trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình;

d) Căn cứ nội dung và tình hình thực tế, Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được phân công điều hành phiên chất vấn mời đại biểu Hội đồng nhân dân đã đăng ký phát biểu tranh luận nội dung trả lời của người bị chất vấn; khi có nhiều đại biểu Hội đồng nhân dân đăng ký tranh luận về cùng vấn đề đang được chất vấn thì đại biểu Hội đồng nhân dân đã nêu chất vấn về vấn đề đó được ưu tiên tranh luận trước;

đ) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được phân công điều hành phiên chất vấn có quyền yêu cầu đại biểu Hội đồng nhân dân dừng chất vấn hoặc tranh luận nếu đại biểu Hội đồng nhân dân chất vấn, tranh luận quá thời gian hoặc chất vấn, tranh luận không đúng nội dung; yêu cầu người bị chất vấn dừng trả lời chất vấn khi trả lời không đúng trọng tâm chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc quá thời gian;

e) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được phân công điều hành phiên chất vấn phát biểu kết thúc phiên chất vấn.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân được quyền tranh luận với người bị chất vấn

để làm rõ hơn vấn đề đang được chất vấn; không được sử dụng quyền tranh luận để nêu câu hỏi chất vấn hoặc tranh luận với đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn trước đó.

4. Thời gian nêu chất vấn, trả lời chất vấn, tranh luận thực hiện theo quy định của Nội quy kỳ họp của Hội đồng nhân dân hoặc Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân.

Điều 24. Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết về chất vấn

1. Sau phiên chất vấn tại kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết về chất vấn. Nghị quyết gồm những nội dung chính sau đây:

- a) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn, hạn chế, bất cập và nguyên nhân liên quan đến vấn đề chất vấn;
- b) Giải pháp, thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;
- c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về chất vấn.

2. Ban của Hội đồng nhân dân hoặc cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân được giao chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết về chất vấn, lấy ý kiến Ban khác của Hội đồng nhân dân, người bị chất vấn, trình Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến trước khi gửi xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tổng hợp ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân; Ban của Hội đồng nhân dân hoặc cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân được giao chủ trì, phối hợp với Ban khác của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện dự thảo nghị quyết về chất vấn trình Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua.

Điều 25. Chất vấn và trả lời chất vấn bằng văn bản

1. Hội đồng nhân dân cho trả lời chất vấn bằng văn bản đối với các chất vấn trực tiếp của đại biểu Hội đồng nhân dân tại phiên chất vấn trong các trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn;
- b) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn nhưng cần được điều tra, xác minh;
- c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn nhưng chưa được trả lời tại phiên chất vấn.

2. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tập hợp và gửi đến người bị chất vấn những chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân được Hội đồng nhân dân cho trả lời bằng văn bản.

Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan giúp việc của

Hội đồng nhân dân, người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn, đồng thời gửi đến cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân để tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân theo dõi, đôn đốc việc trả lời chất vấn bằng văn bản của người bị chất vấn; tổ chức tập hợp, tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

5. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân tổng hợp kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với việc trả lời chất vấn bằng văn bản quy định tại khoản 4 Điều này, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định các nội dung sau đây:

a) Những vấn đề yêu cầu người bị chất vấn làm rõ hơn theo yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Những vấn đề đưa ra chất vấn tại phiên chất vấn gần nhất tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân;

c) Những vấn đề kiến nghị Hội đồng nhân dân xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

6. Kể từ ngày Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định triệu tập kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền gửi phiếu chất vấn đến người bị chất vấn qua Thường trực Hội đồng nhân dân. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tập hợp, chuyển phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân đến người bị chất vấn.

Thời hạn trả lời chất vấn, việc theo dõi, đôn đốc và xem xét kết quả trả lời chất vấn thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 26. Báo cáo việc thực hiện nghị quyết về chất vấn tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn tại các kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tổng hợp báo cáo việc thực hiện nghị quyết về chất vấn quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Tiểu mục 2

HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN VÀ XEM XÉT VIỆC TRẢ LỜI CHẤT VẤN TẠI PHIÊN HỌP THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN; CHẤT VẤN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 27. Trách nhiệm tổng hợp thông tin để lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn

1. Chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có văn bản đề nghị Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đề xuất vấn đề chất vấn, người bị chất vấn. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm lấy ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân trong Tổ và tổng hợp đề xuất vấn đề chất vấn, người bị chất vấn. Trường hợp cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân có thể gửi đề xuất trực tiếp đến cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổng hợp đề xuất vấn đề chất vấn, người bị chất vấn của Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 1 Điều này và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, dư luận xã hội về những vấn đề bức xúc nổi lên thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của địa phương để làm căn cứ lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 28. Tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Nội dung chất vấn được lựa chọn theo một trong các tiêu chí sau đây:

a) Vấn đề được Hội đồng nhân dân giao;

b) Vấn đề được quy định tại một trong các điểm a, b, c hoặc d khoản 1 Điều 20 của Nghị quyết này;

c) Vấn đề chất vấn đã được người bị chất vấn trả lời bằng văn bản nhưng đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời, được Thường trực Hội đồng nhân dân đồng ý cho trả lời tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Việc lựa chọn nội dung chất vấn phải phù hợp với thời gian tổ chức phiên chất vấn.

3. Người bị chất vấn được lựa chọn phù hợp với nhóm vấn đề chất vấn.

Điều 29. Trình tự, thủ tục lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị

chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức phiên chất vấn, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân dự kiến các nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn, lấy ý kiến Ban của Hội đồng nhân dân.

2. Căn cứ ý kiến của Ban của Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân tổng hợp và lựa chọn các nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức phiên chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị của cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân và quyết định lựa chọn các nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn.

4. Ngoài người bị chất vấn, những người khác có thể được mời tham dự phiên chất vấn và tham gia giải trình, làm rõ thêm nội dung chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc trách nhiệm của mình, cơ quan, tổ chức mình.

Điều 30. Tổ chức chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện các công việc sau đây:

a) Gửi văn bản đề nghị người bị chất vấn báo cáo bằng văn bản về nội dung thuộc nhóm vấn đề chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày trước ngày tổ chức phiên chất vấn;

b) Xây dựng chương trình phiên chất vấn và thông báo đến đại biểu Hội đồng nhân dân, người bị chất vấn và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chậm nhất 03 ngày trước ngày tổ chức phiên chất vấn.

2. Người bị chất vấn không được ủy quyền cho người khác trả lời thay, trừ trường hợp luật có quy định khác. Trường hợp không thể trực tiếp tham dự phiên chất vấn thì người bị chất vấn báo cáo bằng văn bản nêu rõ lý do để Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân, người bị chất vấn, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong phiên chất vấn được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Nghị quyết này.

4. Phiên chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp, trừ trường hợp do Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

5. Trình tự phiên chất vấn, thời gian nêu chất vấn, tranh luận, trả lời chất vấn và hoạt động điều hành phiên chất vấn thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết này.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự trực tiếp phiên chất vấn hoặc có thể tham dự theo hình thức trực tuyến.

7. Kết thúc phiên chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua kết luận về

chất vấn; kết luận được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Ban của Hội đồng nhân dân hoặc cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan dự thảo kết luận về chất vấn, lấy ý kiến thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, người bị chất vấn; tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo kết luận về chất vấn trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, ban hành.

8. Kết luận về chất vấn gồm những nội dung cơ bản sau đây:

a) Nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết này;

b) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận về chất vấn.

Điều 31. Chất vấn và trả lời chất vấn bằng văn bản

1. Thường trực Hội đồng nhân dân cho trả lời chất vấn bằng văn bản đối với các chất vấn trực tiếp của đại biểu Hội đồng nhân dân tại phiên chất vấn trong các trường hợp sau đây:

- a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn;
- b) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn nhưng cần được điều tra, xác minh;
- c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn nhưng chưa được trả lời tại phiên chất vấn.

2. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tập hợp và gửi đến người bị chất vấn các nội dung chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân được Thường trực Hội đồng nhân dân cho trả lời bằng văn bản.

Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân, người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân chất vấn, đồng thời gửi đến cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân.

3. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân theo dõi, đôn đốc việc trả lời chất vấn bằng văn bản của người bị chất vấn; tổ chức tập hợp, tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân gần nhất hoặc kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

5. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân tổng hợp kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với việc trả lời chất vấn bằng văn bản quy định tại khoản 4 Điều này, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định các nội dung sau đây:

a) Những vấn đề yêu cầu người bị chất vấn làm rõ hơn theo yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Những vấn đề đưa ra chất vấn tại phiên chất vấn gần nhất tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Những vấn đề kiến nghị Hội đồng nhân dân xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

6. Kể từ ngày Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định về việc tổ chức phiên chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền gửi phiếu chất vấn đến người bị chất vấn qua Thường trực Hội đồng nhân dân. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tập hợp, chuyển phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân đến người bị chất vấn.

Thời hạn trả lời chất vấn, việc theo dõi, đôn đốc và xem xét kết quả trả lời chất vấn thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 32. Báo cáo việc thực hiện kết luận về chất vấn tại các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc phiên chất vấn, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về chất vấn tại các phiên họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tổng hợp báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc phiên chất vấn.

Điều 33. Chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn tại phiên chất vấn tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc gửi chất vấn bằng văn bản đến người bị chất vấn quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 36 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ và phải liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn.

3. Trình tự, thủ tục chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tại phiên chất vấn tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, chất vấn và trả lời chất vấn bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại các điều 22, 23, 25, 30 và 31 của Nghị quyết này.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG GIẢI TRÌNH TẠI PHIÊN HỌP THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 34. Nguồn thông tin lựa chọn vấn đề giải trình

Thường trực Hội đồng nhân dân theo dõi, thu thập thông tin từ các nguồn sau đây để lựa chọn vấn đề giải trình:

1. Thông tin từ báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về tình hình thi hành chính sách, pháp luật, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; vi phạm pháp luật, tội phạm; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cử tri và cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương; về việc thực hiện các nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân;

2. Ý kiến đề xuất của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

3. Thông tin từ phương tiện thông tin đại chúng, dư luận xã hội về các vấn đề bức xúc trong đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

4. Thông tin tổng hợp từ hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân;

5. Yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

6. Các nguồn thông tin chính thống khác.

Điều 35. Tiêu chí lựa chọn vấn đề giải trình, người được yêu cầu giải trình

1. Vấn đề giải trình được lựa chọn theo một trong các tiêu chí sau đây:

a) Vấn đề được Hội đồng nhân dân giao;

b) Vấn đề có tính thời sự, bức xúc, nổi lên trong thực tiễn đời sống xã hội; vấn đề được nhiều đại biểu Hội đồng nhân dân, dư luận, cử tri và Nhân dân ở địa phương quan tâm; vấn đề mới chưa có giải pháp thực hiện, đòi hỏi phải được làm rõ, giải quyết kịp thời để bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

c) Vấn đề có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật hoặc có nhiều hạn chế, yếu kém chậm được khắc phục;

d) Vấn đề được nêu trong các nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân nhưng chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa hiệu quả, không đáp ứng được yêu cầu đề ra.

2. Người được yêu cầu giải trình được lựa chọn phù hợp với vấn đề giải trình.

Điều 36. Trình tự, thủ tục lựa chọn vấn đề giải trình, người được yêu cầu giải trình, xây dựng kế hoạch tổ chức phiên giải trình

1. Căn cứ quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị quyết này, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc tổ chức giải trình, nội dung giải trình, người được yêu cầu giải trình, người tham gia giải trình và kế hoạch tổ chức phiên giải trình.

2. Chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức phiên giải trình, Ban của Hội đồng nhân dân hoặc cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân được giao chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức phiên giải trình để trình Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và gửi đến người được yêu cầu giải trình, người tham gia giải trình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Kế hoạch phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, vấn đề giải trình, phạm vi, người được yêu cầu giải trình, người tham gia giải trình, thời gian, địa điểm tổ chức phiên giải trình, mức độ công khai của phiên giải trình và các nội dung khác có liên quan.

3. Trường hợp không thể trực tiếp tham dự phiên giải trình thì người được yêu cầu giải trình gửi văn bản nêu rõ lý do và cử cấp phó của mình tham dự, trả lời thay khi được sự đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 37. Trình tự, thủ tục tổ chức giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Phiên giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân được tổ chức công khai, trừ trường hợp do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định. Chủ tịch Hội đồng nhân dân điều hành phiên giải trình. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt thì phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân điều hành phiên giải trình.

Đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương, các chuyên gia, đối tượng chịu sự tác động của chính sách có thể được mời tham dự phiên giải trình. Đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội có thể được mời tham dự phiên giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

2. Phiên giải trình được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân điều hành phiên giải trình nêu vấn đề yêu cầu giải trình, người có trách nhiệm giải trình và người tham gia giải trình;

b) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự nêu yêu cầu giải trình;

c) Người giải trình có trách nhiệm trả lời trực tiếp, đầy đủ vấn đề mà thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân nêu;

d) Trường hợp thành viên Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự phiên giải trình không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền tranh luận với người có trách nhiệm giải trình để làm rõ hơn vấn đề đang được giải trình;

đ) Người tham gia giải trình có trách nhiệm tham gia trả lời về vấn đề mà thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân nêu;

e) Đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tham dự phiên giải trình phát biểu ý kiến (nếu có);

g) Trường hợp phiên giải trình về vấn đề do Hội đồng nhân dân giao thì Thường trực Hội đồng nhân dân hoàn thiện báo cáo kết quả phiên giải trình, trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Trường hợp phiên giải trình do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định thì Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua kết luận vấn đề giải trình; kết luận được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

3. Kết luận vấn đề giải trình gồm những nội dung chính sau đây:

a) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người được yêu cầu giải trình, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân liên quan đến vấn đề giải trình;

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận vấn đề giải trình.

4. Để phục vụ hoạt động giải trình, khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan; yêu cầu giám định, mời chuyên gia tư vấn, tiếp xúc, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tổ chức xem xét, xác minh về những vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân quan tâm; tổ chức Đoàn công tác để khảo sát, thu thập thông tin.

Đoàn công tác gồm một số thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan (nếu cần thiết). Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn công tác do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định. Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về chương trình và thành phần Đoàn công tác chậm nhất 10 ngày trước ngày Đoàn công tác tiến hành làm việc.

Mục 4

TỔ CHỨC ĐOÀN GIÁM SÁT ĐỂ TIẾN HÀNH GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ, GIÁM SÁT VIỆC THI HÀNH PHÁP LUẬT Ở ĐỊA PHƯƠNG

Điều 38. Nguồn thông tin lựa chọn chuyên đề, vấn đề giám sát

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân theo dõi, thu thập thông tin từ các nguồn sau đây để lựa chọn chuyên đề, vấn đề giám sát:

1. Thông tin từ báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về tình hình thi hành chính sách, pháp luật, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, vi phạm pháp luật, tội phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cử tri và cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương; việc thực hiện các

nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân;

2. Ý kiến đề xuất của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân;

3. Thông tin từ phương tiện thông tin đại chúng, dư luận xã hội về các vấn đề bức xúc trong đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương;

4. Thông tin tổng hợp từ hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân;

5. Đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

6. Các nguồn thông tin chính thống khác.

Điều 39. Tiêu chí lựa chọn chuyên đề giám sát

1. Chuyên đề giám sát của Hội đồng nhân dân được lựa chọn căn cứ các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Vấn đề bức xúc, nổi lên hoặc ảnh hưởng lớn đến đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội của địa phương được đại biểu Hội đồng nhân dân, cử tri và Nhân dân quan tâm, kiến nghị hoặc vấn đề khác do Hội đồng nhân dân quyết định phù hợp với yêu cầu giám sát và thực tiễn của địa phương;

b) Không thuộc phạm vi điều chỉnh của các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật khác của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp mới có hiệu lực thi hành trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm đề xuất, trừ các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, pháp luật cụ thể cần có giải pháp để giải quyết kịp thời vấn đề cấp bách về thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề cấp thiết khác ở địa phương;

c) Vấn đề gắn với xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật, quản lý nhà nước, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương;

d) Vấn đề có tính tổng hợp, nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của nhiều Ban của Hội đồng nhân dân;

đ) Bảo đảm tính toàn diện, sự cân đối và phù hợp giữa các lĩnh vực;

e) Không trùng lặp về nội dung, đối tượng giám sát với các chuyên đề giám sát đã được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội lựa chọn, tiến hành giám sát trong thời gian 24 tháng tính đến thời điểm đề xuất giám sát, trừ trường hợp giám sát lại nội dung đã giám sát do đối tượng chịu sự giám sát không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghị quyết, kết luận, kiến nghị về giám sát.

2. Chuyên đề giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân được lựa chọn

căn cứ các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Vấn đề được Hội đồng nhân dân giao;

b) Vấn đề bức xúc, nổi lên hoặc ảnh hưởng lớn đến đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội của địa phương được đại biểu Hội đồng nhân dân, cử tri và Nhân dân quan tâm, kiến nghị hoặc vấn đề khác do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định phù hợp với yêu cầu giám sát và thực tiễn của địa phương;

c) Các tiêu chí quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

3. Chuyên đề giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân được lựa chọn căn cứ các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Vấn đề được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân giao;

b) Vấn đề bức xúc, nổi lên hoặc ảnh hưởng lớn đến đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội của địa phương được cử tri và Nhân dân quan tâm, kiến nghị hoặc vấn đề khác do Ban của Hội đồng nhân dân quyết định phù hợp với yêu cầu giám sát và thực tiễn của địa phương;

c) Các tiêu chí quy định tại các điểm b, c và đ khoản 1 Điều này;

d) Không trùng lặp về nội dung, đối tượng giám sát với các chuyên đề giám sát đã được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội lựa chọn, tiến hành giám sát trong thời gian 24 tháng tính đến thời điểm đề xuất giám sát, trừ trường hợp giám sát lại nội dung đã giám sát do đối tượng chịu sự giám sát không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghị quyết, kết luận, kiến nghị về giám sát;

đ) Phạm vi giám sát phù hợp với điều kiện thực hiện của Ban của Hội đồng nhân dân.

Điều 40. Tổ chức Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân để tiến hành giám sát chuyên đề

1. Căn cứ chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát để tiến hành giám sát chuyên đề.

Ban của Hội đồng nhân dân phụ trách lĩnh vực chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân để trình Hội đồng nhân dân.

2. Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ mục đích, phạm vi, đối tượng, nội dung giám sát, Trưởng Đoàn giám sát, Phó Trưởng đoàn giám sát và cơ cấu thành viên khác tham gia Đoàn giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trưởng Đoàn giám sát là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Cơ cấu thành viên khác tham gia Đoàn giám sát gồm đại diện của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân và một số đại biểu Hội đồng nhân dân. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các chuyên gia có kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm về chuyên đề giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

3. Căn cứ nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm:

a) Quyết định thành viên cụ thể tham gia Đoàn giám sát và điều chỉnh thành phần Đoàn giám sát trong trường hợp cần thiết theo đề nghị của Trưởng Đoàn giám sát;

b) Chỉ đạo Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch giám sát (trong đó xác định cụ thể nội dung trọng tâm giám sát), các đề cương báo cáo, tổ chức triển khai thực hiện và tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả giám sát;

c) Khi xét thấy cần thiết, tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân; yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện giám sát về các nội dung liên quan đến chuyên đề giám sát.

4. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng và thông báo kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, đề cương báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và đề cương báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết thành lập Đoàn giám sát. Thời gian để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát xây dựng báo cáo và gửi đến Đoàn giám sát do Đoàn giám sát quyết định nhưng không ít hơn 20 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch;

b) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải trình những vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;

d) Tổ chức hội nghị, hội thảo để thu thập thông tin phục vụ hoạt động giám sát khi xét thấy cần thiết;

đ) Xem xét báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; khi xét thấy cần thiết, yêu cầu giám định, mời chuyên gia tư vấn, thu thập thông tin, tiếp xúc, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì có quyền yêu cầu

cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

g) Báo cáo kết quả giám sát để Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

5. Ban của Hội đồng nhân dân phụ trách lĩnh vực có liên quan đến chuyên đề giám sát giúp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này và xây dựng dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Nghị quyết này.

Điều 41. Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát

1. Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận về báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân bao gồm:

- a) Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát;
- b) Dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề;
- c) Báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; tài liệu chứng minh và tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Việc xem xét, thảo luận báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo kết quả giám sát;
- b) Hội đồng nhân dân thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề có liên quan;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan phát biểu ý kiến (nếu có);
- d) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo giải trình;
- đ) Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc ban hành nghị quyết giám sát chuyên đề.

3. Nghị quyết giám sát chuyên đề gồm những nội dung chính sau đây:

- a) Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- b) Giải pháp, thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;
- c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết giám sát chuyên đề.

Điều 42. Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân

1. Căn cứ nội dung giám sát chuyên đề trong chương trình giám sát của mình, Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân theo lĩnh vực phụ trách tổ chức giám sát và báo cáo kết quả giám sát để Hội đồng nhân dân xem xét tại kỳ họp.

Khi xét thấy cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân quyết định xem xét báo cáo kết quả giám sát về các chuyên đề khác của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân.

2. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân bao gồm:

- a) Báo cáo kết quả giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân;
- b) Dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề;
- c) Báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; tài liệu chứng minh và tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện cơ quan tiến hành hoạt động giám sát trình bày báo cáo kết quả giám sát;
- b) Hội đồng nhân dân thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện cơ quan tiến hành hoạt động giám sát có thể bổ sung về những vấn đề có liên quan;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan phát biểu ý kiến (nếu có);
- d) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo giải trình;
- đ) Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc ban hành nghị quyết giám sát chuyên đề. Nội dung nghị quyết giám sát chuyên đề thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Nghị quyết này.

Điều 43. Tổ chức Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân để tiến hành giám sát chuyên đề

1. Căn cứ chương trình giám sát của mình hoặc khi được Hội đồng nhân dân giao, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định thành lập Đoàn giám sát để tiến hành giám sát chuyên đề.

Ban của Hội đồng nhân dân phụ trách lĩnh vực có liên quan đến chuyên đề giám sát chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua.

2. Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ mục đích, phạm vi, đối tượng, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân làm Trưởng Đoàn, các thành viên khác gồm đại diện của Ban của Hội đồng nhân dân có liên quan và một số đại biểu Hội đồng nhân dân. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các chuyên gia có kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm về chuyên đề giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có thể được mời tham gia Đoàn giám sát. Đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội có thể được mời tham gia Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Trong quá trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Điều chỉnh thành phần Đoàn giám sát trong trường hợp cần thiết theo đề nghị của Trưởng Đoàn giám sát;

b) Chỉ đạo Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch giám sát (trong đó xác định cụ thể nội dung tập trung giám sát), các đề cương báo cáo, tổ chức triển khai thực hiện và tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả giám sát;

c) Khi xét thấy cần thiết, tổ chức hoạt động giải trình; yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp giám sát về các nội dung liên quan đến chuyên đề giám sát.

4. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng và thông báo kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, đề cương báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và đề cương báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết thành lập Đoàn giám sát. Thời gian để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát xây dựng báo cáo và gửi đến Đoàn giám sát do Đoàn giám sát quyết định nhưng không ít hơn 20 ngày kể từ ngày thông báo kế hoạch;

b) Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 4 Điều 40 của Nghị quyết này;

c) Báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

5. Ban của Hội đồng nhân dân phụ trách lĩnh vực có liên quan đến chuyên đề giám sát giúp Thường trực Hội đồng nhân dân, Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này và xây dựng dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Nghị quyết này hoặc dự thảo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Nghị

quyết này.

Điều 44. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận về báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát. Hồ sơ trình Thường trực Hội đồng nhân dân bao gồm:

- a) Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát;
- b) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về giám sát chuyên đề;
- c) Báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; tài liệu chứng minh và tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Việc xem xét, thảo luận báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo kết quả giám sát;
- b) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan phát biểu ý kiến (nếu có);
- d) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo giải trình;
- đ) Trường hợp chuyên đề giám sát do Hội đồng nhân dân giao thì Thường trực Hội đồng nhân dân hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề, trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 42 của Nghị quyết này.

Trường hợp chuyên đề giám sát do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định thì Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua kết luận giám sát chuyên đề.

3. Kết luận giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân gồm những nội dung chính sau đây:

- a) Nội dung theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 41 của Nghị quyết này;
- b) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận giám sát chuyên đề.

Điều 45. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo giám sát chuyên đề của Ban của Hội đồng nhân dân

1. Căn cứ nội dung giám sát chuyên đề trong chương trình giám sát của mình, Thường trực Hội đồng nhân dân giao Ban của Hội đồng nhân dân theo lĩnh vực phụ trách giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức giám sát và báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét.

Khi xét thấy cần thiết, theo đề nghị của Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định xem xét, thảo luận báo cáo kết quả giám sát về các chuyên đề khác của Ban của Hội đồng nhân dân.

2. Hồ sơ trình Thường trực Hội đồng nhân dân bao gồm:

- a) Báo cáo kết quả giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân;
- b) Dự thảo kết luận giám sát chuyên đề;
- c) Báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; tài liệu chứng minh và tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận báo cáo kết quả giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo kết quả giám sát;
- b) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân có thể bổ sung về những vấn đề có liên quan;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phát biểu ý kiến (nếu có);
- d) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo giải trình;
- đ) Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua kết luận giám sát chuyên đề. Nội dung kết luận được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Nghị quyết này.

Điều 46. Tổ chức Đoàn giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân để tiến hành giám sát chuyên đề

1. Căn cứ chương trình giám sát của mình hoặc khi được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân giao, Ban của Hội đồng nhân dân quyết định thành lập Đoàn giám sát để tiến hành giám sát chuyên đề theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

Quyết định thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ mục đích, phạm vi, đối tượng, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân làm Trưởng Đoàn, các thành viên khác gồm Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân và một số đại biểu Hội đồng nhân dân. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các chuyên gia có kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm, am hiểu về nội dung chuyên đề giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có thể được mời tham gia hoạt động của Đoàn giám sát.

2. Trong quá trình giám sát, Ban của Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Điều chỉnh thành phần Đoàn giám sát trong trường hợp cần thiết theo đề

ng nghị của Trưởng Đoàn giám sát;

b) Chỉ đạo Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch giám sát (trong đó xác định cụ thể nội dung tập trung giám sát), các đề cương báo cáo, tổ chức triển khai thực hiện và tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả giám sát;

c) Khi xét thấy cần thiết, đề nghị Ban khác của Hội đồng nhân dân phối hợp giám sát về các nội dung liên quan đến chuyên đề giám sát.

3. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng và thông báo kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, đề cương báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và đề cương báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ban của Hội đồng nhân dân ban hành quyết định thành lập Đoàn giám sát. Thời gian để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát xây dựng báo cáo và gửi đến Đoàn giám sát do Đoàn giám sát quyết định nhưng không ít hơn 20 ngày kể từ ngày thông báo kế hoạch;

b) Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 4 Điều 40 của Nghị quyết này;

c) Báo cáo kết quả giám sát để Ban của Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Điều 47. Ban của Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát

1. Ban của Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận về báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát. Hồ sơ trình Ban của Hội đồng nhân dân bao gồm:

a) Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát;

b) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc dự thảo kết luận của Ban của Hội đồng nhân dân về giám sát chuyên đề;

c) Báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; tài liệu chứng minh và tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Việc xem xét, thảo luận báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Đoàn giám sát trình bày báo cáo kết quả giám sát;

b) Ban của Hội đồng nhân dân thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề có liên quan;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan phát biểu ý kiến (nếu có);

d) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình;

đ) Trường hợp chuyên đề giám sát do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân giao thì Ban của Hội đồng nhân dân hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc dự thảo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về giám sát chuyên đề trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 42 của Nghị quyết này; trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 45 của Nghị quyết này.

Trường hợp chuyên đề giám sát do Ban của Hội đồng nhân dân quyết định thì Ban của Hội đồng nhân dân xem xét, ban hành kết luận giám sát chuyên đề.

3. Kết luận giám sát chuyên đề của Ban của Hội đồng nhân dân gồm những nội dung chính sau đây:

a) Nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 41 của Nghị quyết này;

b) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận giám sát chuyên đề.

Điều 48. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát về vấn đề do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân giao

1. Khi được Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp giao, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức hoạt động giám sát.

Căn cứ nội dung vấn đề được giao, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xây dựng kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo giám sát và thông báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất 10 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành giám sát.

2. Khi tiến hành giám sát, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát; giải trình vấn đề mà Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm; xem xét, giải quyết vấn đề có liên quan đến việc thi hành chính sách, pháp luật hoặc liên quan đến đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở địa phương;

c) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm; tiếp xúc, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì kiến nghị cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi tiến hành giám sát, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 42 của Nghị quyết này; trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 45 của Nghị quyết này.

4. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân cùng cấp khi tiến hành các hoạt động giám sát.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện và tổ chức phục vụ hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 49. Đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương

1. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội của địa phương, ý kiến, kiến nghị của cử tri, thực tiễn đời sống Nhân dân ở địa phương, đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định lựa chọn vấn đề giám sát việc thi hành pháp luật trên địa bàn nơi đại biểu Hội đồng nhân dân ứng cử.

2. Căn cứ vấn đề giám sát đã lựa chọn, đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định nội dung, kế hoạch giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, đề cương báo cáo giám sát và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Khi tiến hành giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

b) Mời đại biểu Hội đồng nhân dân am hiểu về nội dung giám sát, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia hoạt động giám sát;

c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát; giải trình vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm; xem xét, giải quyết vấn đề có liên quan đến việc thi hành chính sách, pháp luật hoặc liên quan đến đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội ở

địa phương;

d) Khi cần thiết, xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm; tiếp xúc, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi tiến hành giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân xem xét, ban hành kết luận về nội dung giám sát. Kết luận giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân gồm những nội dung chính sau đây:

a) Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến nội dung giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận giám sát.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm về nội dung giám sát, việc thực hiện các hoạt động giám sát và nội dung kết luận, kiến nghị giám sát của mình.

Thường trực Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tiến hành giám sát; thông báo nội dung, kế hoạch giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất 10 ngày trước ngày tiến hành hoạt động giám sát; hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân trong việc theo dõi, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát thực hiện các yêu cầu, kiến nghị, kết luận giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Mục 5

GIÁM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT, TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI

Điều 50. Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở địa

phương; xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân và cơ quan khác có thẩm quyền ở địa phương về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và báo cáo Hội đồng nhân dân về kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri; khi xét thấy cần thiết, tổ chức hoạt động giải trình, tổ chức Đoàn giám sát để tiến hành giám sát chuyên đề hoặc phân công Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tiến hành giám sát.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xây dựng, tổ chức triển khai chương trình, kế hoạch giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri; tổ chức tiếp nhận, tổng hợp, phân loại và chuyển kiến nghị của cử tri đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để yêu cầu, đề nghị giải quyết, trả lời, đồng thời, theo dõi, đôn đốc, giám sát việc giải quyết, trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

3. Chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết kiến nghị của cử tri có trách nhiệm báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định tại nghị quyết liên tịch quy định chi tiết việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Căn cứ kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, Ban của Hội đồng nhân dân được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công chủ trì, phối hợp với Ban khác của Hội đồng nhân dân và cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân xem xét, đánh giá kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri trình Thường trực Hội đồng nhân dân.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội phối hợp xem xét, đánh giá kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở địa phương; cho ý kiến đối với dự thảo báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

a) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân được phân công chủ trì trình bày dự thảo báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân về kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri;

b) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân quy định tại khoản 3 Điều này báo cáo, giải trình về những vấn đề có liên quan (nếu có);

d) Chủ tọa kết luận.

6. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét việc ban hành kết luận về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri, trừ trường hợp trình Hội đồng nhân dân xem

xét. Kết luận gồm những nội dung chính sau đây:

a) Nội dung theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 41 của Nghị quyết này;

b) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

7. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân về kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

Trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri theo quy định tại Điều 51 của Nghị quyết này.

Điều 51. Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri

1. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân bao gồm:

a) Báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân về kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri;

b) Dự thảo nghị quyết về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri;

c) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo kết quả giám sát;

b) Hội đồng nhân dân thảo luận;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo, giải trình về những vấn đề có liên quan (nếu có);

đ) Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc ban hành nghị quyết về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

3. Nghị quyết về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri gồm những nội dung chính sau đây:

a) Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập liên quan đến việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Giải pháp, thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

Điều 52. Trách nhiệm của Ban của Hội đồng nhân dân được phân công chủ trì giúp Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri

1. Ban của Hội đồng nhân dân được phân công chủ trì giúp Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban khác của Hội đồng nhân dân xem xét, đánh giá và xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri trình Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định tại khoản 4 Điều 50 của Nghị quyết này;

b) Chủ trì xây dựng dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Ban của Hội đồng nhân dân có thể thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Chủ trì tổ chức làm việc hoặc có văn bản đề nghị, yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin; tổ chức xem xét, xác minh về những vấn đề mà Ban của Hội đồng nhân dân quan tâm trong việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri;

b) Tổ chức Đoàn công tác để khảo sát, thu thập thông tin phục vụ hoạt động giám sát;

c) Mời chuyên gia tư vấn; tiếp xúc, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Đề nghị Ban khác của Hội đồng nhân dân phối hợp đánh giá, giám sát kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

Điều 53. Trách nhiệm của Ban của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri

1. Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm giúp Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Phối hợp với Ban của Hội đồng nhân dân được phân công chủ trì giúp Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, đánh giá kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri theo lĩnh vực phụ trách;

b) Tham gia xây dựng báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Tham gia xây dựng dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

2. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Ban của Hội đồng nhân dân có thể thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Tổ chức làm việc hoặc có văn bản đề nghị, yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp

thông tin; tổ chức xem xét, xác minh về những vấn đề mà Ban của Hội đồng nhân dân quan tâm trong việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban;

b) Cử đại diện tham gia các phiên làm việc, Đoàn công tác do Ban của Hội đồng nhân dân được phân công chủ trì giúp Thường trực Hội đồng nhân dân để khảo sát, thu thập thông tin phục vụ hoạt động giám sát;

c) Mời chuyên gia tư vấn; tiếp xúc, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 54. Trách nhiệm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được phân công giúp Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm giúp Thường trực Hội đồng nhân dân giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri nhận được thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định tại nghị quyết liên tịch quy định chi tiết việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

b) Tổ chức xem xét, đánh giá kết quả giải quyết, trả lời của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có thể thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Tổ chức làm việc hoặc có văn bản đề nghị, yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin; tổ chức xem xét, xác minh về những vấn đề mà Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm trong việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri;

b) Mời chuyên gia tư vấn; tiếp xúc, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện và tổ chức phục vụ hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 55. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Xem xét, đánh giá kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với kiến nghị mà đại biểu Hội đồng nhân dân nhận được qua hoạt động tiếp xúc cử tri và có trách nhiệm gửi kết quả xem xét, đánh giá của mình đến Thường trực Hội đồng nhân dân qua Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân để tổng hợp và phối hợp giám sát.

b) Tham gia các hoạt động giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân mà mình là thành viên; tham gia hoạt động giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân khi có yêu cầu.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, đại biểu Hội đồng nhân dân có thể thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Đề nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin;

b) Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin;

c) Khi cần thiết, xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm; tiếp xúc, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm về việc xem xét, đánh giá việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và nội dung kết luận, kiến nghị của mình.

Mục 6

XEM XÉT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VỀ GIÁM SÁT, BÁO CÁO VỀ KIẾN NGHỊ GIÁM SÁT CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 56. Chế độ báo cáo việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát

1. Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân quyết định xem xét việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch, đề cương báo cáo việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về giám sát gửi đến Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thành viên khác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự, Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát

nhân dân khu vực, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác để thực hiện.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch, đề cương báo cáo việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về giám sát gửi đến Ủy ban nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác để thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân khu vực và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân theo yêu cầu.

Đối với các nội dung thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thành viên khác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tổng hợp, gửi Thường trực Hội đồng nhân dân. Đối với các nội dung thuộc trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân khu vực thì Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tổng hợp, gửi Thường trực Hội đồng nhân dân.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về giám sát và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã theo yêu cầu.

Điều 57. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân xem xét việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát

1. Hội đồng nhân dân tổ chức xem xét, thảo luận về các báo cáo hoặc tổ chức chất vấn về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân bao gồm:

a) Báo cáo của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát;

b) Báo cáo tổng hợp nội dung thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát;

c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân về các lĩnh vực và Báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát;

d) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân (nếu có).

2. Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận về các báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo;

b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo tổng hợp nội dung thẩm tra;

c) Hội đồng nhân dân thảo luận;

d) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo có thể báo cáo giải trình những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm;

đ) Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc ban hành nghị quyết về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát.

Nội dung của Nghị quyết thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị quyết này, trong đó nêu rõ những việc đã hoàn thành, những việc chưa hoàn thành hoặc chuyển biến chậm đối với từng lĩnh vực; những việc cần tiếp tục thực hiện; trách nhiệm nếu không hoàn thành những việc nêu trên.

3. Hội đồng nhân dân tổ chức chất vấn tại kỳ họp theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Nghị quyết này; xem xét, quyết định việc ban hành nghị quyết về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát quy định tại Điều 24 của Nghị quyết này, trong đó, nêu rõ những việc đã hoàn thành, những việc chưa hoàn thành hoặc chuyển biến chậm đối với từng lĩnh vực; những việc cần tiếp tục thực hiện; trách nhiệm nếu không hoàn thành những việc nêu trên.

Điều 58. Trách nhiệm thẩm tra báo cáo việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về giám sát

1. Thường trực Hội đồng nhân dân phân công Ban của Hội đồng nhân dân chủ trì, phối hợp với các Ban khác của Hội đồng nhân dân tổ chức thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Nghị quyết này; tổng hợp kết quả thẩm tra để báo cáo Hội đồng nhân dân.

2. Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Nghị quyết này đối với các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 59. Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo về kiến nghị giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kết luận, kiến nghị giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thì Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

2. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tổng hợp kiến nghị giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân.

3. Ban của Hội đồng nhân dân được giao chủ trì, phối hợp với Ban khác của Hội đồng nhân dân:

a) Tổ chức thẩm tra kiến nghị giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Tổ chức làm việc hoặc có văn bản yêu cầu, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình về việc thực hiện kết luận, kiến nghị giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân;

c) Xây dựng dự thảo báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân về tổng hợp kiến nghị giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân;

d) Xây dựng dự thảo nghị quyết về vấn đề được kiến nghị.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân về kiến nghị giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân bao gồm:

a) Báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tổng hợp kiến nghị giám sát;

b) Báo cáo giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Dự thảo nghị quyết về vấn đề được kiến nghị.

5. Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân về kiến nghị giám sát theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo;

b) Ban của Hội đồng nhân dân hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân có kiến nghị trình bày bổ sung ý kiến (nếu có);

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình bổ sung (nếu có);

d) Hội đồng nhân dân thảo luận;

đ) Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua nghị quyết về vấn đề được kiến nghị.

6. Nghị quyết bao gồm những nội dung chính sau đây:

a) Đánh giá những nội dung kết luận, kiến nghị giám sát không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ; hạn chế, bất cập và nguyên nhân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Yêu cầu cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Trách nhiệm thực hiện nghị quyết đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về vấn đề được kiến nghị.

Chương IV

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÒA, PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Điều 60. Chỉ đạo, điều hòa hoạt động giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân

Thường trực Hội đồng nhân dân chỉ đạo, điều hòa hoạt động giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, khả năng tổ chức thực hiện và đạt hiệu quả, thông qua các hoạt động sau đây:

1. Điều chỉnh dự kiến hoạt động giám sát tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân trong năm, báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định khi xây dựng chương trình giám sát cụ thể tại từng kỳ họp;
2. Chủ động điều chỉnh hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân trong năm;
3. Phân công Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức thẩm tra, tham gia thẩm tra các báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị quyết này để báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 61. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân

Thường trực Hội đồng nhân dân chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, khả năng tổ chức thực hiện và đạt hiệu quả, thông qua các hoạt động sau đây:

1. Giao Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện một số nội dung trong chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân;
2. Yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân điều chỉnh chương trình, kế hoạch, phối hợp thực hiện hoạt động giám sát để tránh trùng lặp về nội dung, thời gian, địa điểm giám sát;
3. Yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp thực hiện hoạt động giám sát ở cùng một địa phương, cơ quan, đơn vị.

Điều 62. Chế độ thông tin, báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát

1. Trường hợp cần thiết do yêu cầu của thực tiễn mà phải điều chỉnh kế

hoạch giám sát, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát.

Đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân qua Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất ngày 25 hằng tháng, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân về kết quả sơ bộ các hoạt động giám sát trong tháng (nếu có) và dự kiến kế hoạch của tháng tiếp theo (nếu có), nêu rõ nội dung, thời gian, thành phần, địa điểm tiến hành làm việc. Đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân qua Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân về kết quả sơ bộ các hoạt động giám sát trong tháng (nếu có) và dự kiến kế hoạch của tháng tiếp theo (nếu có), nêu rõ nội dung, thời gian, thành phần, địa điểm tiến hành làm việc.

3. Cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân và tham mưu, giúp Thường trực Hội đồng nhân dân chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát.

4. Tháng 12 hằng năm, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân chủ trì, phối hợp với Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xây dựng báo cáo tổng hợp, rút kinh nghiệm về công tác điều hòa hoạt động giám sát, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 63. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.

2. Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 64. Tổ chức thi hành

1. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Ủy ban Dân nguyện và Giám sát chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc, Ủy ban khác của Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành các mẫu văn bản phục vụ hoạt động giám sát.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản quy định về công tác bảo đảm cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân địa phương.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Phiên họp thứ 52 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn